

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 51

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 13 tháng 08 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là : TAPLAST.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng chẵn.)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 20 ngày 13 tháng 08 năm 2019, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gởi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	
Ông Ngô Đức Vũ	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 02 năm 2019 và từ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2019
Ông Ngô Đức Trung	Phó chủ tịch HĐQT	
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019
Ông Lê Viết Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019
Bà Lương Thị Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019
Bà Trần Thị Bích Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Ngô Đức Vũ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019
Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019
Ông Nguyễn Hồng Chương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 050/2020/BCKT-PB.00040

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



LÊ VIỆT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		456.860.323.539	415.870.147.321
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	105.108.802.404	99.364.256.505
1. Tiền	111		105.108.802.404	89.364.256.505
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	2.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.238.101.577	153.621.532.607
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	150.775.503.448	122.015.539.853
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.279.640.575	21.607.505.739
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	610.000.000	610.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	33.321.101.623	15.136.631.084
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.748.144.069)	(5.748.144.069)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	156.049.204.987	140.637.938.409
1. Hàng tồn kho	141		156.328.789.551	140.714.676.734
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(279.584.564)	(76.738.325)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		9.464.214.571	22.246.419.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	5.425.075.883	5.844.959.383
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.003.316.095	16.349.881.763
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	35.822.593	51.578.654
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		352.129.421.569	321.672.166.758
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		7.266.039.707	9.568.973.474
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	7.266.039.707	9.568.973.474
II/ Tài sản cố định	220		297.250.068.631	274.100.457.602
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	114.258.824.319	96.372.291.005
- Nguyên giá	222		289.935.619.529	243.450.171.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(175.676.795.210)	(147.077.880.684)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	177.508.858.500	172.031.096.026
- Nguyên giá	225		236.869.379.470	230.973.490.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(59.360.520.970)	(58.942.394.855)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	5.482.385.812	5.697.070.571
- Nguyên giá	228		7.549.375.218	7.531.375.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.066.989.406)	(1.834.304.647)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		30.245.534.402	20.740.008.442
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	30.245.534.402	20.740.008.442
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.200.072.890	6.200.072.890
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.200.072.890)	(6.200.072.890)
VII/ Tài sản dài hạn khác	260		17.367.778.829	17.262.727.240
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	17.367.778.829	17.262.727.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		808.989.745.108	737.542.314.079

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		596.264.838.743	585.374.902.917
I/ Nợ ngắn hạn	310		456.327.893.289	411.754.962.705
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	30.235.986.099	34.446.562.231
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	1.359.233.575	1.347.221.659
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	958.452.064	397.215.710
4. Phải trả người lao động	314		8.578.988.211	7.367.140.080
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	2.538.666.075	2.875.532.454
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	1.721.038.575	1.603.559.240
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	409.196.564.606	363.717.731.331
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.738.964.084	-
II/ Nợ dài hạn	330		139.936.945.454	173.619.940.212
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.14	2.804.858.714	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	9.056.549.025	11.525.309.025
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	128.075.537.715	162.094.631.187
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.724.906.365	152.167.411.162
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.20	212.724.906.365	152.167.411.162
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	142.378.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	142.378.890.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(121.100.000)	(40.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.846.006.365	9.828.521.162
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.828.521.162	6.046.123.391
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.017.485.203	3.782.397.771
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		808.989.745.108	737.542.314.079



Hoàng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	911.120.745.483	782.491.608.542
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6.099.316.911	2.142.707.113
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		905.021.428.572	780.348.901.429
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	782.687.986.186	695.686.298.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		122.333.442.386	84.662.603.028
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.684.809.219	864.823.084
7. Chi phí tài chính	22	6.5	38.001.356.773	32.538.576.156
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.649.987.386	32.036.030.692
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	49.518.179.145	30.657.329.785
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	37.708.564.870	32.689.618.673
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		790.150.817	(10.358.098.502)
11. Thu nhập khác	31	6.8	9.922.144.547	15.305.403.194
12. Chi phí khác	32	6.9	6.364.317.735	177.349.539
13. Lợi nhuận khác	40		3.557.826.812	15.128.053.655
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.347.977.629	4.769.955.153
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.330.492.426	987.557.382
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.017.485.203	3.782.397.771
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	181	331
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	181	331



Hoàng Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thoại
 Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.347.977.629	4.769.955.153
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	42.550.299.344	45.446.001.417
- Các khoản dự phòng	03	1.941.810.323	(29.448.127)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.867.797)	(60.320.286)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.587.673.922)	(15.077.451.240)
- Chi phí lãi vay	06	37.649.987.386	32.036.030.692
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	75.898.532.963	67.084.767.609
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.849.996.616)	(61.059.716.068)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.614.112.817)	(31.089.286.709)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(3.674.386.138)	29.971.043.756
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	314.831.911	(6.437.663.978)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.619.985.778)	(31.765.084.488)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(760.742.934)	(254.005.707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.694.140.591	(33.549.945.585)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.352.484.726)	(33.653.310.552)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	24.481.622.865	26.451.505.399
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(137.200.000.000)	(40.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	109.034.520.548	40.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	500.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.107.812.136	81.543.967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.928.529.177)	(6.620.261.186)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	57.540.010.000	42.360.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	887.177.796.127	935.743.296.227
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(852.369.933.963)	(774.650.477.955)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(71.367.240.902)	(75.209.171.983)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.980.631.262	128.243.646.289
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.746.242.676	88.073.439.518
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	99.364.256.505	11.266.392.534
Ả/h thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.696.777)	24.424.453
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	105.108.802.404	99.364.256.505



Hoàng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 13 tháng 08 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.
Tên Công ty viết tắt là : TAPLAST.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 13 tháng 08 năm 2019, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng.)

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa các loại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 20 ngày 13 tháng 08 năm 2019, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gởi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh nhà ở./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2019, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1.6 Cấu trúc Công ty

Các chi nhánh

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP Nhựa Tân Phú	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Long An	CCN Nhựa Đức Hoà Hạ (lô C16) Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh	Cụm CN Xuân Lâm - Xã Xuân Lâm - Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	Hạch toán phụ thuộc

Công ty liên kết

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	43,42%	43,42%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bất buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị của lô đất được giao tại Cụm công nghiệp Nhựa Đức Hòa (lô 16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời gian còn lại khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng là 48 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Chi phí phát triển bản sắc nhận diện thương hiệu cho sản phẩm Nhựa gia dụng thương hiệu Inochi được khấu hao trong 03 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	204.798.658	280.361.136
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	104.904.003.746	89.083.895.369
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>103.288.796.476</i>	<i>88.866.830.340</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>1.615.207.270</i>	<i>217.065.029</i>
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000.000</i>
Cộng	<u>105.108.802.404</u>	<u>99.364.256.505</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt ngoại tệ - USD	69.891,22	1.615.190.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	153,00	3.536.092
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR	0,65	17.102

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ
 Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-
Cộng	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào	-	43,42%	43,42%	-	43,42%	43,42%

Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ cuối năm 2016. Toàn bộ tài sản của Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào hiện đang bị Ngân hàng phong tỏa để thu hồi các khoản vay chưa thanh toán. Do các cổ đông không thực hiện góp vốn, tái cơ cấu, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào không còn khả năng thanh toán các khoản nợ vay đến hạn trả. Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú đánh giá Công ty Việt Lào không còn khả năng hoạt động liên tục trong tương lai nên đã trích lập dự phòng 100% giá trị đầu tư tại Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng kinh doanh sản phẩm nhựa	150.775.503.448	(2.461.992.989)	121.335.539.853	(2.461.992.989)
Phải thu khách hàng thanh lý tài sản cố định	-	-	680.000.000	-
Cộng	150.775.503.448	(2.461.992.989)	122.015.539.853	(2.461.992.989)

Trong đó, phải thu các bên liên quan:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)
Công Ty Cổ Phần DNP HAWACO	2.364.000.000	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Ngành Nước DNP	65.462.601	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An	6.487.974	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	15.441.895	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	14.202.487	-	-	-
Cộng	4.701.912.686	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)

Giá trị các khoản phải thu được sử dụng để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2019 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 11 là 40.000.000.000 đồng, ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh 30.000.000.000 đồng và của ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) là 31.250.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho nhà cung cấp hoạt động kinh doanh	3.584.616.138	(886.246.635)	2.087.010.819	(886.246.635)
Trả trước nhà cung cấp mua sắm TSCĐ	1.695.024.437	-	19.520.494.920	-
Các đối tượng khác				
Cộng	5.279.640.575	(886.246.635)	21.607.505.739	(886.246.635)

Trong đó, trả trước cho các bên liên quan

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)
Cộng	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào <1>	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)
Cộng	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)

<1> Khoản cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào vay gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 36/2014/HĐVV ngày 02/10/2014 và phụ lục hợp đồng số 01/2014/PL-HĐVV ngày 01/11/2014 với lãi suất vay 12%/năm trong 06 tháng kể từ ngày 02/10/2014. Tại thời điểm 30/06/2019, số dư khoản cho vay này là 260.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 01/05/2016 với lãi suất vay 8%/năm trong 06 tháng. Tại thời điểm 30/06/2019, số dư khoản cho vay này là 350.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền lãi cho vay	152.404.445	(152.404.445)	152.404.445	(152.404.445)
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền tạm ứng vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.637.500.000	(1.637.500.000)
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội - Lãi hợp tác đầu tư	-	-	621.369.863	-
Phải thu các đối tượng khác				
Ký quỹ, ký cược	1.891.462.586	-	2.616.898.916	-
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn, lãi tiền ký quỹ	1.084.342.169	-	21.740.731	-
Phải thu hợp tác đầu tư	26.165.479.452	-	-	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	1.791.407.828	-	9.242.234.224	-
Phải thu khác	598.505.143	-	844.482.905	-
Cộng	33.321.101.623	(1.789.904.445)	15.136.631.084	(1.789.904.445)

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	3.627.029.328	-	5.044.747.914	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuế tài chính	3.036.230.379	-	4.078.727.670	-
Phải thu khác	602.780.000	-	445.497.890	-
Cộng	7.266.039.707	-	9.568.973.474	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	5.494.968.809	-	5.494.968.809	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	2.236.317.729	-	2.236.317.729	-
<i>Phải thu tiền cho vay vốn</i>	610.000.000	-	610.000.000	-
<i>Phải thu tiền lãi vay</i>	152.404.445	-	152.404.445	-
<i>Phải thu tạm ứng góp vốn</i>	1.637.500.000	-	1.637.500.000	-
<i>Trả trước người bán</i>	858.746.635	-	858.746.635	-
Các đối tượng khác	253.175.260	-	253.175.260	-
Cộng	5.748.144.069	-	5.748.144.069	-

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.701.417.240	-	3.840.484.028	-
Nguyên liệu, vật liệu	46.592.142.128	(35.017.997)	72.099.365.962	(35.017.997)
Công cụ, dụng cụ	55.181.844.095	-	22.261.909.260	-
Thành phẩm	30.660.093.316	(206.158.915)	31.689.935.128	(3.312.676)
Hàng hoá	21.193.292.772	(38.407.652)	10.822.982.356	(38.407.652)
Cộng	156.328.789.551	(279.584.564)	140.714.676.734	(76.738.325)

Giá trị hàng tồn kho luân chuyển được sử dụng làm tài sản bảo đảm thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 11 tại thời điểm 31/12/2019 là 30.000.000.000 đồng, ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam 70.000.000.000 đồng, ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là 31.250.000.000 đồng và ngân hàng BPCE IOM với giá trị là 750.000 USD.

Giá trị dự phòng là giá trị của các vật tư nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa đã hư hỏng mất phẩm chất nhưng chưa được thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	86.927.781.093	150.306.370.321	5.584.604.160	631.416.115	-	243.450.171.689
Mua trong năm	745.461.400	20.632.204.260		64.560.000	-	21.442.225.660
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.711.441.986	10.796.895.009		-	-	25.508.336.995
Mua lại TSCĐ TTC		29.598.451.783		-	-	29.598.451.783
Thanh lý, nhượng bán		(29.055.184.779)	(1.008.381.819)	-	-	(30.063.566.598)
Số dư tại 31/12/2019	102.384.684.479	182.278.736.594	4.576.222.341	695.976.115	-	289.935.619.529
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2019	43.152.525.778	98.080.600.971	5.347.099.999	497.653.936	-	147.077.880.684
Khấu hao trong năm	4.713.401.808	10.762.984.294	123.915.228	41.152.428	-	15.641.453.758
Mua lại TSCĐ TTC		26.258.034.712			-	26.258.034.712
Thanh lý, nhượng bán		(12.292.192.125)	(1.008.381.819)		-	(13.300.573.944)
Số dư tại 31/12/2019	47.865.927.586	122.809.427.852	4.462.633.408	538.806.364	-	175.676.795.210
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2019	43.775.255.315	52.225.769.350	237.504.161	133.762.179	-	96.372.291.005
Số dư tại 31/12/2019	54.518.756.893	59.469.308.742	113.588.933	157.169.751	-	114.258.824.319

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng là 77.383.481.980 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 128.547.953.517 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	-	221.474.739.422	9.498.751.459	-	-	230.973.490.881
Thuê tài chính trong năm	-	32.836.957.644	2.657.382.728	-	-	35.494.340.372
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(29.598.451.783)	-	-	-	(29.598.451.783)
Số dư tại 31/12/2019	-	224.713.245.283	12.156.134.187	-	-	236.869.379.470
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2019	-	56.222.858.603	2.719.536.252	-	-	58.942.394.855
Khấu hao trong năm	-	25.094.876.379	1.581.284.448	-	-	26.676.160.827
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(26.258.034.712)	-	-	-	(26.258.034.712)
Số dư tại 31/12/2019	-	55.059.700.270	4.300.820.700	-	-	59.360.520.970
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2019	-	165.251.880.819	6.779.215.207	-	-	172.031.096.026
Số dư tại 31/12/2019	-	169.653.545.013	7.855.313.487	-	-	177.508.858.500

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	7.011.345.218	-	120.000.000	400.030.000	-	7.531.375.218
Mua trong năm			18.000.000			18.000.000
Số dư tại 31/12/2019	<u>7.011.345.218</u>	<u>-</u>	<u>138.000.000</u>	<u>400.030.000</u>	<u>-</u>	<u>7.549.375.218</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2019	1.528.494.928	-	9.999.999	295.809.720	-	1.834.304.647
Khấu hao trong năm	146.534.976	-	45.806.455	40.343.328	-	232.684.759
Số dư tại 31/12/2019	<u>1.675.029.904</u>	<u>-</u>	<u>55.806.454</u>	<u>336.153.048</u>	<u>-</u>	<u>2.066.989.406</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2019	5.482.850.290	-	110.000.001	104.220.280	-	5.697.070.571
Số dư tại 31/12/2019	<u>5.336.315.314</u>	<u>-</u>	<u>82.193.546</u>	<u>63.876.952</u>	<u>-</u>	<u>5.482.385.812</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay là 5.336.315.314 đồng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	7.004.827.020	70.297.191.527	47.103.484.145	-	30.198.534.402
<i>Máy móc, thiết bị sản xuất nhựa nhập mua và thuê tài chính chưa nghiệm thu</i>	<i>7.004.827.020</i>	<i>70.297.191.527</i>	<i>47.103.484.145</i>		<i>30.198.534.402</i>
Xây dựng cơ bản	13.735.181.422	211.011.800	13.899.193.222	-	47.000.000
<i>Xây dựng nhà xưởng Bắc Ninh GD 2</i>	<i>13.735.181.422</i>	<i>50.000.000</i>	<i>13.785.181.422</i>		<i>-</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>-</i>	<i>161.011.800</i>	<i>114.011.800</i>	<i>-</i>	<i>47.000.000</i>
	20.740.008.442	70.508.203.327	61.002.677.367	-	30.245.534.402

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Chi phí trả trước**5.13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.421.540.133	2.503.997.084
Chi phí sửa chữa tài sản	613.598.110	156.211.092
Các khoản khác	3.389.937.640	3.184.751.207
Cộng	5.425.075.883	5.844.959.383

5.13.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.862.513.299	10.659.066.857
Chi phí sửa chữa tài sản	4.041.153.616	4.324.563.945
Các khoản khác	3.464.111.914	2.279.096.438
Cộng	17.367.778.829	17.262.727.240

5.14 Phải trả người bán**5.14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp cho hoạt động kinh doanh	28.941.355.578	28.941.355.578	33.923.286.947	33.923.286.947
Phải trả nhà cung cấp cho mua sắm tài sản cố định	1.294.630.521	1.294.630.521	523.275.284	523.275.284
Các nhà cung cấp khác	-	-	-	-
Cộng	30.235.986.099	30.235.986.099	34.446.562.231	34.446.562.231

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Trong đó, phải trả các bên liên quan

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	3.673.048.104	3.673.048.104	1.471.067.489	1.471.067.489
Cộng	3.673.048.104	3.673.048.104	1.471.067.489	1.471.067.489

5.14.2 Phải trả người bán dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả nhà cung cấp cho hoạt động kinh doanh	2.804.858.714	2.804.858.714	-	-
Cộng	2.804.858.714	2.804.858.714	-	-

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người mua trả tiền trước của hoạt động kinh doanh	1.359.233.575	1.359.233.575	1.347.221.659	1.347.221.659
Cộng	1.359.233.575	1.359.233.575	1.347.221.659	1.347.221.659

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	-	-	827.476.489	827.476.489	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	29.611.965.352	29.611.965.352	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.837.866.613	1.830.056.865	7.809.748	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	844.050.985	1.330.492.426	760.742.934	-	274.301.493
Thuế thu nhập cá nhân	-	114.401.079	1.606.670.704	1.607.237.529	7.946.313	122.914.217
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.077.122.656	1.077.122.656	-	-
Các loại thuế khác	35.822.593	-	9.850.145	9.850.145	35.822.593	-
Cộng	35.822.593	958.452.064	36.301.444.385	35.724.451.970	51.578.654	397.215.710

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.251.537.070	1.221.535.462
Chi phí thuê tài sản - máy nhựa	-	1.246.482.496
Chi phí hoa hồng môi giới	1.287.129.005	407.514.496
Cộng	2.538.666.075	2.875.532.454

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	636.986.785	636.986.785	1.070.854.902	1.070.854.902
Bảo hiểm xã hội	-	-	50.550.673	50.550.673
Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
Cổ tức phải trả	97.289.618	97.289.618	97.289.618	97.289.618
Phải trả khác	986.762.172	986.762.172	384.864.047	384.864.047
Cộng	1.721.038.575	1.721.038.575	1.603.559.240	1.603.559.240

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	9.011.549.025	9.011.549.025	11.480.309.025	11.480.309.025
Phải trả khác	45.000.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000
Cộng	9.056.549.025	9.056.549.025	11.525.309.025	11.525.309.025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1>Vay ngắn hạn	358.232.771.093	358.232.771.093	747.677.796.127	697.101.133.963	307.656.108.929	307.656.108.929
VietinBank - Chi nhánh 11	90.673.740.112	90.673.740.112	90.673.740.112	-	-	-
VietinBank - Chi nhánh 12	-	-	90.508.896.458	178.920.959.232	88.412.062.774	88.412.062.774
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Trường Sơn	86.921.510.557	86.921.510.557	150.492.984.010	63.571.473.453	-	-
Ngân hàng BPCEIOM Chi nhánh Tp.HCM	6.581.929.590	6.581.929.590	15.768.129.128	41.281.351.203	32.095.151.665	32.095.151.665
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	126.903.293.786	126.903.293.786	245.548.599.097	249.719.421.990	131.074.116.679	131.074.116.679
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB CN TPHCM	47.152.297.048	47.152.297.048	111.005.074.245	85.518.627.197	21.665.850.000	21.665.850.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng CN TPHCM	-	-	35.690.373.077	70.099.300.888	34.408.927.811	34.408.927.811
Vay cá nhân & TC khác	-	-	7.990.000.000	7.990.000.000	-	-
2> Vay dài hạn đến hạn trả	12.021.843.941	12.021.843.941	12.021.843.941	12.808.800.000	12.808.800.000	12.808.800.000
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	12.021.843.941	12.021.843.941	12.021.843.941	12.808.800.000	12.808.800.000	12.808.800.000
3> Nợ thuê tài chính đến hạn trả	38.941.949.572	38.941.949.572	43.282.733.775	47.593.606.605	43.252.822.402	43.252.822.402
Công ty TNHH MTV CTTC NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	26.879.898.376	26.879.898.376	30.583.407.386	30.830.374.801	27.126.865.791	27.126.865.791
Công ty TNHH MTV CTTC NH Sài Gòn Thương Tín Việt Nam - CN Hà Nội	127.200.000	127.200.000	127.200.000	127.200.000	127.200.000	127.200.000
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	8.748.045.885	8.748.045.885	9.068.632.285	9.047.291.200	8.726.704.800	8.726.704.800
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế CHAILEASE	3.186.805.311	3.186.805.311	3.503.494.104	7.226.976.389	6.910.287.596	6.910.287.596
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế Việt Nam	-	-	-	361.764.215	361.764.215	361.764.215
Cộng	409.196.564.606	409.196.564.606	802.982.373.843	757.503.540.568	363.717.731.331	363.717.731.331

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Lãi suất vay</u>	<u>Hạn mức vay</u>	<u>Số dư nợ gốc tại 31/12/2019</u>	<u>Mục đích vay</u>	<u>Tài sản bảo đảm</u>
BIDV - CN Trường Sơn	56/201962654/HĐTD ngày 19/06 năm 2019	06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	100.000.000.000	86.921.510.557	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	2.000.000.000 cp DNP của ông Vũ Đình Độ và 2.100.000 cp DNP của Công ty Cổ phần Đầu tư VSD và hợp đồng tiền gửi số 38-2019/HĐTG của Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú.
BPCE IOM	FCA-000435-2019 ngày 15/01/2019	06 tháng	Chi phí vốn của ngân hàng + 2,2%/năm, trong đó chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay.	750.000 USD	6.581.929.590	Bổ sung VLĐ phục vụ SXKD	Hàng tồn kho với giá trị 750.000USD.
Vietcombank - CN Hồ Chí Minh	0120/1838/N-CTD ngày 28/10/2019	06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	150.000.000.000	126.903.293.786	Bổ sung VLĐ phục vụ SXKD	Máy móc thiết bị và Nhà xưởng Bắc Ninh giai đoạn 1, hàng tồn kho với giá trị 70 tỷ và các khoản phải thu là 30 tỷ đồng, văn bản Bảo lãnh vay vốn số 293/BL ngày 28/10/2019 do CTCP Nhựa Đồng Nai ký phát hành
VIB Bank	009-HĐTD-VIB880.19 ngày 04/04/2019	06 tháng	Lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ	50.000.000.000	47.152.297.048	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ SXKD	Hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư là 31.25 tỷ đồng, khoản phải thu của Công ty với giá trị là 31.25 tỷ đồng và bảo lãnh vay vốn của CTCP Nhựa Đồng Nai
Vietinbank - CN 11	45/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT942-TANPHU ngày 01/07/2019	06 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	100.000.000.000	90.673.740.112	Bổ sung VLĐ phục vụ SXKD	Nhà xưởng tại Chi nhánh Long An, hàng tồn kho với giá trị là 30 tỷ đồng và khoản phải thu là 40 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay dài hạn	25.798.900.000	25.798.900.000	79.500.000.000	154.481.843.941	100.780.743.941	100.780.743.941
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	19.474.900.000	19.474.900.000		12.021.843.941	31.496.743.941	31.496.743.941
Vay đối tượng khác	6.324.000.000	6.324.000.000	79.500.000.000	142.460.000.000	69.284.000.000	69.284.000.000
2> Nợ thuê tài chính	42.276.637.715	42.276.637.715	48.019.118.541	67.056.368.072	61.313.887.246	61.313.887.246
Công ty TNHH MTV CTTC NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	29.921.437.684	29.921.437.684	43.920.286.582	53.233.234.118	39.234.385.220	39.234.385.220
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế CHAILEASE	895.384.091	895.384.091	1.327.731.959	4.098.081.669	3.665.733.801	3.665.733.801
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	11.343.215.940	11.343.215.940	2.771.100.000	9.597.852.285	18.169.968.225	18.169.968.225
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín CN Hà Nội	116.600.000	116.600.000	-	127.200.000	243.800.000	243.800.000
3> Trái phiếu thường	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Sun Life Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-
Cộng	128.075.537.715	128.075.537.715	187.519.118.541	221.538.212.013	162.094.631.187	162.094.631.187

Tình hình thanh toán các khoản nợ thuê tài chính:

	Năm 2019			Năm 2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	56.734.514.010	9.142.270.628	47.592.243.382	85.465.221.051	10.256.049.068	75.209.171.983
Cộng	56.734.514.010	9.142.270.628	47.592.243.382	85.465.221.051	10.256.049.068	75.209.171.983

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2019	Số phải trả đến 31/12/2020	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Vietcombank - CN Hồ Chí Minh	0125/1838/T-DA/01 ngày 11/09/2018	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh phù hợp với quy định từng thời kỳ của Ngân hàng Vietcombank	7.883.200.000	1.970.800.000	Thanh toán bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện ĐTXD nhà xưởng Bắc Ninh giai đoạn 2 tại CCN Xuân Lâm, tỉnh Bắc Ninh	Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay
	0024/ĐTDA/15CD ngày 07/07/2015	60 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần	2.301.043.941	2.301.043.941	Đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít	
	01/TDH-0158/KHDN/17NH ngày 25/7/2017	60 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần	21.312.500.000	7.750.000.000	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư TSCĐ theo kế hoạch của Công ty	Tín chấp
Vay cá nhân (CBNV)				16.754.000.000		Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh	

Các khoản thuê tài chính

Công ty cho thuê tài chính	Thời hạn thuê	Dư nợ gốc	Lãi suất vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2019	Số phải trả đến 31/12/2020	Tài sản Thuê TC
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	36 - 60 tháng	108.033.983.802	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	56.801.336.060	26.879.898.376	Khuôn và máy móc sản xuất nhựa
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	48-60 tháng	40.722.912.125	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	20.091.261.825	8.748.045.885	Khuôn và máy móc sản xuất nhựa
Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế CHAILEASE	44-48 tháng	28.466.383.153	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	4.082.189.402	3.186.805.311	Khuôn và máy móc sản xuất nhựa, xe ô tô
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín CN Hà Nội		508.800.000	Lãi suất điều chỉnh theo thời kỳ	243.800.000	127.200.000	Xe ô tô

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.20 **Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**

5.20.1 **Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	99.978.890.000	-	-	-	6.046.123.391	106.025.013.391
Tăng vốn	42.400.000.000	(40.000.000)	-	-	-	42.360.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.782.397.771	3.782.397.771
Số dư tại 31/12/2018	142.378.890.000	(40.000.000)	-	-	9.828.521.162	152.167.411.162
Số dư tại 01/01/2019	142.378.890.000	(40.000.000)	-	-	9.828.521.162	152.167.411.162
Tăng vốn trong năm nay	57.621.110.000	-	-	-	-	57.621.110.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.017.485.203	3.017.485.203
Chi phí phát hành cổ phiếu (1)	-	(81.100.000)	-	-	-	(81.100.000)
Số dư tại 31/12/2019	200.000.000.000	(121.100.000)	-	-	12.846.006.365	212.724.906.365

(1) Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản tiền này được ghi âm chỉ tiêu Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 31).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	102.025.670.000	51,01%	72.631.650.000	51,01%
Vốn góp của cổ đông khác	97.974.330.000	48,99%	69.747.240.000	48,99%
Cộng	200.000.000.000	100%	142.378.890.000	100%

5.20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	142.378.890.000	99.978.890.000
Vốn góp tăng trong năm	57.621.110.000	42.400.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	142.378.890.000

5.20.4 Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	14.237.889
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	14.237.889
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	14.237.889
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	14.237.889
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	14.237.889
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Doanh thu bán hàng hóa	354.384.437.962	289.870.166.886
Doanh thu bán sản phẩm	556.736.307.521	492.621.441.656
Cộng	911.120.745.483	782.491.608.542

Trong đó, doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Ngành Nước DNP	63.035.872	4.703.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Bắc Giang	62.590.813	5.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Long An	5.898.158	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	117.306.855.279	161.817.467.900
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Nước Sạch Số 3 Hà Nội	27.458.166	-
Công ty Cổ phần DNP HAWACO	3.240.000.000	-
Cộng	120.705.838.288	161.827.271.300

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Chiết khấu thương mại	1.017.250.020	632.187.264
Giảm giá hàng bán	70.425.069	29.862.201
Hàng bán bị trả lại	5.011.641.822	1.480.657.648
Cộng	6.099.316.911	2.142.707.113

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	304.859.381.534	241.391.458.485
Giá vốn của thành phẩm đã bán	477.625.758.413	454.324.288.043
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	202.846.239	(29.448.127)
Cộng	782.687.986.186	695.686.298.401

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.549.043.711	696.170.338
Lãi chênh lệch tỷ giá	135.765.508	168.652.746
	3.684.809.219	864.823.084

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	37.649.987.386	32.036.030.692
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	201.304.199
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	201.877.987	275.086.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	149.491.400	26.143.169
Chi phí tài chính khác	-	11.600
Cộng	38.001.356.773	32.538.576.156

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	18.413.951.129	12.396.040.465
Chi phí vật liệu, bao bì	-	11.105.472
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	525.411.543	474.471.668
Chi phí khấu hao TSCĐ	961.091.623	1.057.159.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.012.360.244	9.194.116.297
Chi phí bằng tiền khác	11.605.364.606	7.524.435.987
Cộng	49.518.179.145	30.657.329.785

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	22.124.088.917	19.555.433.156
Chi phí đồ dùng văn phòng	878.406.913	1.024.870.048
Chi phí khấu hao TSCĐ	564.336.370	717.119.324
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	23.910.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.485.294.116	3.145.108.806
Chi phí bằng tiền khác	10.651.438.554	8.223.177.073
Cộng	37.708.564.870	32.689.618.673

6.8 Thu nhập khác

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7.038.630.211	14.381.280.902
Các khoản khác	2.883.514.336	924.122.292
Cộng	9.922.144.547	15.305.403.194

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.9 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản khác	6.333.393.383	167.132.774
Các khoản bị phạt	30.924.352	10.216.765
Cộng	6.364.317.735	177.349.539

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.347.977.629	4.769.955.153
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	2.304.484.499	167.831.758
Các khoản điều chỉnh tăng	2.304.484.499	167.831.758
Các khoản chi phí không được trừ	2.304.484.499	179.632.391
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền và phải thu		(11.800.633)
Thu nhập tính thuế TNDN	6.652.462.128	4.937.786.911
Thuế suất thuế TNDN không ưu đãi	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	1.330.492.426	987.557.382
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	1.330.492.426	987.557.382

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.017.485.203	3.782.397.771
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.017.485.203	3.782.397.771
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.684.813	11.415.094
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	181	331

6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.017.485.203	3.782.397.771
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.017.485.203	3.782.397.771
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.684.813	11.415.094
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	181	331

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	110.104.864.177	95.484.812.251
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	336.572.092.670	335.484.761.826
Chi phí công cụ dụng cụ	16.073.639.117	15.957.025.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.550.299.344	45.446.001.417
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	23.910.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.057.576.929	47.879.989.368
Chi phí khác bằng tiền	24.439.798.185	15.747.613.060
Cộng	592.803.270.422	556.024.114.101

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	48.019.118.541	55.929.179.321

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	827.177.796.127	935.743.296.227
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	60.000.000.000	
Cộng	887.177.796.127	935.743.296.227

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	852.369.933.963	774.650.477.955
Cộng	852.369.933.963	774.650.477.955

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD)

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty có cho đơn vị liên kết vay tiền. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ đối với khoản cho vay không có khả năng thu hồi.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	409.196.564.606	128.075.537.715		537.272.102.321
Phải trả người bán	30.235.986.099			30.235.986.099
Chi phí phải trả	2.538.666.075			2.538.666.075
Phải trả khác	1.721.038.575	9.056.549.025	-	10.777.587.600
Cộng	443.692.255.355	137.132.086.740	-	580.824.342.095
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	363.717.731.331	162.094.631.187		525.812.362.518
Phải trả người bán	34.446.562.231			34.446.562.231
Chi phí phải trả	2.875.532.454			2.875.532.454
Phải trả khác	1.603.559.240	11.525.309.025	-	13.128.868.265
Cộng	402.643.385.256	173.619.940.212	-	576.263.325.468

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2019		01/01/2019		31/12/2019	01/01/2019
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.108.802.404	-	99.364.256.505	-	105.108.802.404	99.364.256.505
Phải thu khách hàng	150.775.503.448	(2.461.992.989)	122.015.539.853	(2.461.992.989)	148.313.510.459	119.553.546.864
Phải thu về cho vay	610.000.000	-	610.000.000	-	610.000.000	610.000.000
Phải thu khác	40.587.141.330	(1.789.904.445)	24.705.604.558	(1.789.904.445)	38.797.236.885	22.915.700.113
Đầu tư tài chính	6.200.072.890	(6.200.072.890)	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	-
	303.281.520.072	(10.451.970.324)	252.895.473.806	(10.451.970.324)	292.829.549.748	242.443.503.482
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	537.272.102.321	-	525.812.362.518	-	537.272.102.321	525.812.362.518
Phải trả người bán	30.235.986.099	-	34.446.562.231	-	30.235.986.099	34.446.562.231
Chi phí phải trả	2.538.666.075	-	2.875.532.454	-	2.538.666.075	2.875.532.454
Phải trả khác	10.777.587.600	-	13.128.868.265	-	10.777.587.600	13.128.868.265
	580.824.342.095	-	576.263.325.468	-	580.824.342.095	576.263.325.468

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành; Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và các khoản thưởng khác	2.008.147.681	1.747.938.088

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Công ty mẹ	Thanh lý TSCĐ	250.000.000	670.295.455
		Nhập mua NVL	205.362.387.637	195.405.755.572
		Xuất bán NVL, phụ kiện ngành nước	117.306.855.279	161.807.664.500
Công ty CP Bình Hiệp	Thành viên tập đoàn	Vay vốn		9.000.000.000
		Lãi vay phải trả		55.733.333
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Thành viên tập đoàn	Chi phí thuê văn phòng giao dịch tại Hà Nội	49.473.273	193.879.636
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Nước Sạch Số 3 Hà Nội	Thành viên tập đoàn	Lãi cho vay	1.357.808.219	-
Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Vay và trả nợ vay dài hạn	69.500.000.000	-
		Nhận hợp tác đầu tư và thu lại khoản hợp tác	20.000.000.000	-
Ngô Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	Trả nợ vay dài hạn	8.000.000.000	

Công nợ với các bên liên quan khác

Số dư công nợ với các bên có liên quan được trình bày trong các thuyết minh mục 5.

9.2 Thông tin về bộ phận

Trong năm, Công ty chủ yếu chỉ hoạt động mua bán nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa. Các hoạt động khác là không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế) nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất mà chỉ lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

9.2.1 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Năm 2019			Năm 2018		
	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	746.747.879.007	158.273.549.565	905.021.428.572	645.466.025.539	134.882.875.890	780.348.901.429
2. Khấu hao	33.038.335.698	9.511.963.646	42.550.299.344	35.497.575.503	9.948.425.914	45.446.001.417
3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.757.412.963	31.576.029.423	122.333.442.386	68.365.154.726	16.297.448.302	84.662.603.028
4. Tài sản bộ phận	799.792.317.146	9.197.427.962	808.989.745.108	581.926.113.877	155.616.200.202	737.542.314.079
5. Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản	799.792.317.146	9.197.427.962	808.989.745.108	581.926.113.877	155.616.200.202	737.542.314.079
6. Nợ phải trả bộ phận	589.927.763.526	6.771.816.237	596.699.579.763	579.394.854.087	5.980.048.830	585.374.902.917
7. Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả	589.927.763.526	6.771.816.237	596.699.579.763	579.394.854.087	5.980.048.830	585.374.902.917

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

9.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục


Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Hoàng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020


Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng


Lê Thị Hồng
Người lập biểu